

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VẠN NINH  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 23 tháng 6 năm 2023  
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

**- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Võ Thị Hòa Thanh

**- *Các Hội thẩm nhân dân:***

. Ông Phạm Tám

. Ông Lê Hồng Ngôn

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quý Võ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

**- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Pháp - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 131/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

**- *Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị Hồng B - sinh năm: 1988; trú tại: Thôn TC, xã VB, huyện VN, tỉnh KH. Có mặt.

**- *Bị đơn:*** Anh Hoàng Đức C - sinh năm: 1987; trú tại: Thôn Thôn TC, xã VB, huyện VN, tỉnh KH. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 31 tháng 5 năm 2022, Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20 tháng 7 năm 2022, nguyên đơn chị Trần Thị Hồng B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng B và anh Hoàng Đức C tự nguyện kết hôn vào năm 2012 và đăng ký kết hôn ngày 31 tháng 01 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã vb, huyện vn, tỉnh kh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 1.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến năm 2019. Nguyên nhân là do giữa vợ chồng có

nhiều bất đồng về quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp, không hiểu và tôn trọng nhau nên thường hay cãi vã. Vợ chồng đã không còn thương yêu, quý trọng nhau. Từ năm 2019 vợ chồng đã mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm, chăm sóc ai. Chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa. Chị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Đức C.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung là Hoàng Bảo K - sinh ngày 21/7/2013. Chị B yêu cầu khi vợ chồng ly hôn thì được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là Hoàng Bảo K - sinh ngày 21/7/2013 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ của ai, không ai nợ của vợ chồng.

\* Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 27/7/2022, bị đơn anh Hoàng Đức C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng B và anh Hoàng Đức C tự nguyện kết hôn vào năm 2012 và đăng ký kết hôn ngày 31 tháng 01 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã vb, huyện VN, tỉnh KH theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 1. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, không hiểu và tôn trọng nhau nên thường hay cãi vã, xúc phạm nhau. Anh C nhiều lần khuyên bảo chị B để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Tuy nhiên việc chị B yêu cầu ly hôn thì anh C không đồng ý, anh C muốn vợ chồng đoàn tụ quay về chung sống với nhau.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung là Hoàng Bảo K - sinh ngày 21/7/2013. Nếu trong trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh C đồng ý giao cho chị B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là Hoàng Bảo K- sinh ngày 21/7/2013 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và anh C cấp dưỡng nuôi con 500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ chung của ai, không ai nợ chung vợ chồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Hồng B yêu cầu ly hôn với anh Hoàng Đức C - hộ khẩu thường trú: Thôn TC, xã VB, huyện VN, tỉnh KH nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Anh C đã được Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù bị đơn anh Hoàng Đức C vắng mặt tại phiên tòa, nhưng căn cứ vào lời khai của chị B, anh C và các chứng cứ đã thu thập được thì việc kết hôn giữa chị B và anh C là tự nguyện, đăng ký kết hôn số 05, quyển số 1 ngày 30 tháng 01 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã VB, huyện VN, tỉnh KH, nên quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh C là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị B, anh Ch thì vợ chồng hiện nay không còn sống chung, vợ chồng không ai quan tâm, chăm sóc cho ai.

Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng theo chị B trình bày là do tính tình vợ chồng không hợp, không tin tưởng và tôn trọng nhau. Điều này làm cho vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, cãi vã. Từ năm 2019 vợ chồng đã mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Và tại biên bản lấy lời khai tuy anh C không đồng ý ly hôn với chị B nhưng anh C cũng xác định giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do giữa vợ chồng có nhiều bất đồng, tính tình vợ chồng không hợp. Mặt khác, dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ (niêm yết) Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh C đều không có mặt, chứng tỏ anh C đã bỏ mặc, không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân giữa anh và chị B nữa. Nên có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị B yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị B. Việc anh C yêu cầu được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn không được chị B đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của anh C.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Hồng B và anh Hoàng Đức C đều xác định giữa vợ chồng có 01 (một) con chung là Hoàng Bảo K - sinh ngày 21/7/2013. Chị B và anh C đều yêu cầu nếu trong trường hợp vợ chồng ly hôn thì giao cho chị B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là Hoàng Bảo K - sinh ngày 21/7/2013 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Xét: Con chung Hoàng Bảo K - sinh ngày 21/7/2013 hiện đang do chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu K có yêu cầu được sống chung với mẹ, vì vậy

việc giao cho chị B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị B.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện chị B yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng, tuy nhiên tại Biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa chị B không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Hồng B và anh Hoàng Đức C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về nợ chung: Chị Trần Thị Hồng B và anh Hoàng Đức C xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai, không ai nợ chung của vợ chồng.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Hồng B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Chị Trần Thị Hồng B được ly hôn với anh Hoàng Đức C.

2. Về con chung: Giao cho chị B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên Hoàng Bảo K - sinh ngày 21/7/2013 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và chị B không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết chị B, anh C có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Hồng B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003438 ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN; chị B đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

\* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện VN ;
- Chi cục THA huyện VN;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân xã VB;
- Các đương sự;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Võ Thị Hòa Thanh**